

Bản án số: 151/2024/DS-PT

Ngày: 14/8/2024

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hải

Các Thẩm phán: Ông Thái Văn Hà; Ông Nguyễn Văn Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Hằng là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Tú Oanh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2024/TLPT-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2024/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 129/2024/QĐXXPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C - sinh năm: 1956 (vắng mặt)

Bà Trần Thị D - sinh năm: 1966 (vắng mặt)

Địa chỉ: K. Phụng Du 2, P.H, thị xã H, tỉnh Bình Định

- Bị đơn: Bà Võ Thị Kim L - sinh năm: 1985 (có đơn xử vắng mặt)

Ông Nguyễn Thái B - sinh năm: 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: KP . C, P.Tam Quan N, TX. H, Bình Định

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn M – sinh năm: 1982; Địa chỉ: KP . Cửu Lợi B, P.Tam Quan N, TX . H, Bình Định. (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Ni N – sinh năm: 1986; Địa chỉ: KP . C, P.T, thị xã H, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

3. Bà Lê Thị Hồng D1 – sinh năm: 1985; Địa chỉ: KP . C, P.T, thị xã H, tỉnh Bình Định. (vắng mặt)

Do có kháng cáo của bà Võ Thị Kim L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị D thống nhất trình bày: Trong năm 2022, vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị D có cho bà Võ Thị Kim L mượn tổng số tiền là 5.020.000.000 đồng, cụ thể như sau: Ngày 14/01/2022, mượn 400.000.000 đồng và 1.500.000.000 đồng, thời hạn mượn là 01 năm; ngày 07/3/2022, mượn 2.000.000.000 đồng, thời hạn mượn 150 ngày; ngày 05/06/2022, mượn 220.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả tiền; ngày 07/9/2022, mượn 900.000.000 đồng, thời hạn mượn 10 ngày. Hai bên có lập 5 giấy mượn tiền, không ghi lãi suất. Tuy trong các giấy mượn tiền không ghi lãi suất nhưng thực tế hai bên có thỏa thuận lãi suất bằng lời nói là 500đồng/triệu/ngày, bà L trả lãi suất được 5 tháng, trả số tiền lãi bao nhiêu thì vợ chồng ông không nhớ rõ. Khi vợ chồng ông bà cho bà L mượn tiền thì ông Nguyễn Thái B là chồng bà L không có chứng kiến, 05 giấy mượn tiền cũng chỉ có bà L ký tên.

Ngày 31/10/2022, vợ chồng bà L ông B và vợ chồng ông C bà D thỏa thuận: Vợ chồng bà L ông B chuyển nhượng cho vợ chồng ông C bà D thửa đất số 1511, tờ bản đồ số 06, diện tích 200m² tại khu phố N, phường H, thị xã H với giá trị thực tế hai bên thỏa thuận 2.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thì ghi giá trị thửa đất vợ chồng bà L chuyển nhượng cho ông C là 700.000.000 đồng được công chứng tại Văn phòng C1, địa chỉ: Thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định. Vợ chồng ông Nguyễn Ni N bà Lê Thị Hồng D1 đi theo và đứng bên ngoài phòng công chứng chứ không chứng kiến việc gì. Hai bên thỏa thuận cản trừ nợ thửa đất là 2.000.000.000 đồng trong khoản tiền mà bà L còn nợ vợ chồng ông. Như vậy, bà L còn nợ vợ chồng ông bà là 3.020.000.000 đồng nhưng đến nay bà L không trả. Tuy ông B chồng bà L không trực tiếp mượn tiền và cũng không ký vào các giấy mượn tiền nhưng ông B là chồng bà L, hơn nữa số tiền bà L mượn vợ chồng ông bà là để làm ăn, phát triển kinh tế chung của gia đình nên ông B phải có nghĩa vụ cùng với bà L trả khoản nợ trên. Do đó, nay, vợ chồng ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà L ông B trả cho vợ chồng ông bà số tiền 3.020.000.000 (ba tỷ không trăm hai chục triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Bị đơn bà Võ Thị Kim L trình bày: Bà L thừa nhận trong năm 2022, bà có mượn của vợ chồng ông C bà D tổng số tiền là 5.020.000.000 đồng. Thời gian, số tiền và thời hạn mượn tiền đúng như vợ chồng ông C bà D đã trình bày. Hai bên có lập 5 giấy mượn tiền, chữ ký trong 5 giấy mượn tiền đúng là chữ ký của bà. Tuy trong các giấy mượn tiền không ghi lãi suất nhưng thực tế hai bên có thỏa thuận bằng lời nói 6.000.000đồng/100 triệu đồng/1tháng, bà có trả lãi suất cho vợ chồng ông C bà D nhưng trả bao nhiêu thì không nhớ rõ. Nay, bà cũng không tranh chấp tiền lãi đã trả. Số tiền 5.020.000.000 đồng bà mượn của vợ chồng ông

C, bà D mục đích là để kinh doanh buôn bán đất, không vì mục đích kinh tế chung của gia đình. Việc bà mượn số tiền trên, ông Nguyễn Thái B là chồng bà không biết nên không liên quan đến ông B.

Ngày 31/10/2022, vợ chồng bà và vợ chồng ông C bà D có thỏa thuận, vợ chồng bà chuyển nhượng cho vợ chồng ông C thửa đất số 1511, tờ bản đồ số 06, diện tích 200m² tại khu phố N, phường H, thị xã H với giá trị trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 700.000.000 đồng được công chứng tại văn phòng C1, địa chỉ: Thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Định. Hai bên thỏa thuận bằng lời nói việc vợ chồng bà chuyển nhượng thửa đất trên với mục đích là cân trừ hết số tiền 5.020.000.000 đồng mà bà còn nợ vợ chồng ông C bà D. Như vậy, hiện nay bà không còn nợ tiền vợ chồng ông C bà D nữa nên bà không chấp nhận yêu cầu của vợ chồng ông C bà D.

Bị đơn ông Nguyễn Thái B trình bày: Ông B là chồng của bà Võ Thị Kim L, việc bà L mượn tiền của vợ chồng ông C bà D thì ông không biết, không có liên quan. Ông và bà L sang tên thửa đất của vợ chồng ông bà tại phường H để cân trừ hết số nợ mà bà L còn nợ vợ chồng ông C bà D, tổng số tiền nợ bao nhiêu thì ông không biết nhưng ông vẫn ký để cân trừ hết số nợ cho vợ ông. Việc bà L mượn tiền không vì mục đích kinh tế chung của gia đình. Do đó, nay ông B không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông C, bà D

Những người làm chứng trình bày:

- *Ông Nguyễn Ni N, bà Lê Thị Hồng D1 trình bày:* Vợ chồng ông N bà D1 và vợ chồng ông Nguyễn Văn C bà Trần Thị D và vợ chồng bà Võ Thị Kim L ông Nguyễn Thái B chỉ quen biết nhau chứ không có mối quan hệ bà con. Vợ chồng ông hoàn toàn không biết gì về việc làm ăn vay mượn tiền giữa vợ chồng ông C bà D và vợ chồng bà L ông B. Khoảng thời gian tháng 10 năm 2022, vợ chồng ông có đi chung xe 7 chỗ với vợ chồng ông C bà D để đến huyện P. Trên xe vợ chồng ông có nghe vợ chồng ông C bà D nói đi đến văn phòng Công chứng ở huyện P để nhận chuyển nhượng thửa đất ở khu phố N, phường H của vợ chồng bà L mục đích cân trừ nợ hết số tiền mà bà L nợ của vợ chồng ông C bà D, số tiền hai bên cân trừ nợ bao nhiêu thì vợ chồng ông không biết, vợ chồng ông cũng không xem nội dung hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tháng 12/2022, vợ chồng ông bà có viết và ký vào đơn làm chứng do vợ chồng bà L ông B viết mục đích là để vợ chồng ông B bà L nộp cho công an xã T, vợ chồng ông bà không chứng kiến việc xé giấy nợ giữa hai bên mà chỉ nghe vợ chồng bà L nói lại nên vợ chồng ông bà đã viết ký xác nhận trong đơn làm chứng.

- *Ông Nguyễn Văn M trình bày:* Ông Nguyễn Văn M là em ruột của ông Nguyễn Thái B. Khoảng tháng 10 năm 2022, ông có chở vợ chồng ông B bà L đi đến Văn phòng Công chứng huyện C1 để chuyển nhượng thửa đất tại khu phố N, phường

H để cản trừ nợ hết số tiền mà bà L nợ của vợ chồng ông C bà D, còn cản trừ nợ bao nhiêu thì ông không biết. Ông M có nghe hai bên thỏa thuận vợ chồng ông C bà D hứa sau khi thực hiện xong công chứng sẽ về xé các giấy mượn tiền giữa hai bên, do vợ chồng ông C bà D không thực hiện thỏa thuận nên vợ chồng ông B bà L mới làm đơn làm chứng có sự làm chứng của ông và vợ chồng ông Nguyễn Ni N bà Lê Thị Hồng D1 cùng ký vào đơn, đơn làm chứng này lập tại nhà vợ chồng bà L với mục đích ông làm chứng việc vợ chồng bà L ông B không còn nợ tiền vợ chồng ông C bà D để vợ chồng ông B bà L gửi đến công an phường T.

Bản án dân sự sơ thẩm số 85/2024/DS-ST ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn C, và bà Trần Thị D. Buộc bà Võ Thị Kim L trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị D số tiền 3.020.000.000 đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị D buộc ông Nguyễn Thái B phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà Võ Thị Kim L trả số tiền: 3.020.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Ngày 02/4/2024, bà Võ Thị Kim L kháng cáo không đồng ý trả số tiền 3.020.000.000 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng; đồng thời đề nghị cấp phúc thẩm: Hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để làm rõ nội dung cản trừ nợ giữa các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[1]. *Về tố tụng:* Kháng cáo của bà Võ Thị Kim L là trong hạn, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, nộp tiền tạm ứng án phí phù hợp với quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn bà Võ Thị Kim L có đơn xin xét xử vắng mặt; nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt căn cứ vào khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt.

[2]. *Nội dung vụ án:*

- Nguyên đơn ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị D khởi kiện cho rằng: Vào các ngày 14/01/2022 có cho bà Võ Thị Kim L mượn số tiền: 400.000.000 đồng và 1.500.000.000 đồng (thời gian mượn: 01 năm); ngày 07/3/2022 cho Liên

mượn với số tiền: 2.000.000.000 đồng (thời gian mượn: 150 ngày); ngày 05/6/2022 (âm lịch) cho Liên mượn với số tiền: 220.000.000 đồng; ngày 07/9/2022 cho Liên mượn số tiền 900.000.000 đồng (thời gian mượn: 10 ngày). Tổng số tiền của 5 lần mượn là: 5.020.000.000 đồng. Ngày 31/10/2011 hai bên có thỏa thuận, vợ chồng bà L chuyển nhượng cho vợ chồng ông C thửa đất số 1511, tờ bản đồ số 6, diện tích 200m² tại khu phố N, phường H, thị xã H với giá trị hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là 700.000 đồng (được công chứng tại Văn phòng công chứng Nguyễn Văn Thanh thị trấn C1). Hai bên thỏa thuận căn trừ nợ thửa đất là 2.000.000.000 trong khoản tiền mà bà L còn nợ vợ chồng bà. Hai bên cũng không viết giấy khất trừ nợ. Do đó, vợ chồng C khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà Võ Thị Kim L, ông Nguyễn Thái B phải trả số tiền 3.020.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Võ Thị Kim L thừa nhận có vay của vợ chồng ông C, bà D tất cả là 5 giấy mượn tiền với tổng số tiền là 5.020.000.000 đồng đều do bà đứng ra vay chồng bà ông Nguyễn Thái B không biết việc vay mượn này. Bà vay tiền nhằm mục đích kinh doanh mua bán đất bán kiếm lời nhưng không vì mục đích chung của gia đình. Hiện nay, bà L không còn nợ vợ chồng ông C, bà D nữa, vì ngày 31/10/2022 vợ chồng bà đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông C thửa đất số 1511, giá trị hợp đồng 700.000.000 đồng... Hai bên đã thỏa thuận căn trừ nợ thửa đất trên với giá trị mà bà L còn nợ của vợ chồng ông C khoản tiền 5.020.000.000 đồng. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. *Xét kháng cáo của bà Võ Thị Kim L, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:*

- Thực tế vợ chồng bà Võ Thị Kim L đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn C thửa đất 1511, tờ bản đồ số 6 tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 31/10/2022 tại Văn phòng C1 địa chỉ: F N, thị trấn P, tỉnh Bình Định đã được giao kết giữa: Bên chuyển nhượng: Ông Nguyễn Thái B, bà Võ Thị Kim L; Bên nhận chuyển nhượng: Ông Nguyễn Văn C. Số công chứng: 3305 quyền số 02/2022/TP/CC-SCC/HĐGD. Tuy nhiên, các bên chỉ thỏa thuận miệng, không ký kết thỏa thuận hợp đồng chuyển nhượng này là khất trừ khoản nợ nào, số tiền cụ thể bao nhiêu.

- *Tại biên bản đối chất ngày 10/11/2023 (BL.47):* Ông Nguyễn Văn C trình bày: Không có việc căn trừ, chỉ trừ thửa đất ở phường H được công chứng tại Văn phòng công chứng P với số tiền 2.000.000.000 đồng; Bà Nguyễn Thị Kim L1 trình bày: Vợ chồng ông C có thỏa thuận với bà khi bà công chứng thửa đất phường Hoài Thanh T thì vợ chồng ông C sẽ xóa toàn bộ số nợ cho bà.

- *Tại biên bản lấy lời khai (BL.62) ông Nguyễn Văn M trình bày:* Khoảng thời gian tháng 10/2022, tôi có chở vợ chồng B, L1 để đi đến Văn phòng công chứng huyện C1 để chuyển nhượng đất cho vợ chồng bà D, ông C với mục đích là căn trừ nợ hết số tiền mà bà L1 nợ của vợ chồng ông C, bà D hứa sau khi thực hiện xong công chứng sẽ về xé các giấy mượn tiền giữa hai bên nhưng về vợ chồng C, D không thực hiện nên vợ chồng bà L1 làm đơn...tôi và vợ chồng Ni N

có ký vào đơn... Tôi chỉ biết là thừa đất cần trừ ... còn số tiền cần trừ bao nhiêu tôi không biết.

- *Tại biên bản lấy lời khai (BL.63) người làm chứng Nguyễn Văn M khai:* Lúc trước thì tôi không biết việc bà L1 mượn tiền ông C, bà D nhưng đến khi vợ chồng bà L1, ông B chuyển nhượng thừa đất ở H cho vợ chồng C, D để cần trừ nợ hết khoản tiền mà bà L1 nợ của vợ chồng C, D mà chỉ có một mình bà L1 vay tiền....

- *Tại Đơn làm chứng (BL.82):* Tôi Nguyễn Ni N1 có làm chứng cho vợ chồng ông C, bà D siết nợ lô đất nói trên để ông B và bà L1 hết nợ vợ chồng ông C, bà D. Tôi Nguyễn Ni N...: Có làm chứng cho việc ông C, bà D siết nợ sang tên lô đất nói trên là xong nợ và xé giấy nợ của bà L1 với ông C và bà D là đúng sự thật.

Tuy nhiên, những người làm chứng ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Ni N, bà Lê Thị Hồng D1 chỉ nghe nói là bán đất để cần trừ nợ, còn số tiền cần trừ bao nhiêu người làm chứng không chứng kiến, không biết và cũng không chứng kiến việc xé giấy nợ.

- *Tại biên bản lấy lời khai ông Nguyễn Thái B (BL.43) trình bày:* Việc làm ăn vay mượn tiền của vợ ông với vợ chồng ông C như thế nào ông không biết, ông không liên quan đến tiền bạc, số tiền vay trên do vợ ông là bà L1 đứng ra vay. Vợ chồng ông đã ký sang nhượng lô đất tại phường H cho vợ chồng ông C để cần trừ nợ, nợ bao nhiêu ông không biết. Việc bà L1 vay tiền không liên quan đến lợi ích kinh tế gia đình.

Xét 05 giấy mượn tiền vào các ngày 14/01/2022, 07/3/2022, 05/6/2022, 07/9/2022: Các giấy mượn tiền này đều do một mình bà L1 ký mượn và bà L1 cũng thừa nhận một mình bà vay số tiền 5.020.000.000 đồng của vợ chồng ông C để mua bán đất và vợ chồng ông C cũng thừa nhận khi cho mượn tiền chỉ có một mình bà L1 ký mượn, bà L1 cũng là người trực tiếp nhận số tiền trên. Có đủ cơ sở để nhận định việc vay mượn tiền là giữa vợ chồng ông C với bà L1 không liên quan đến ông B.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Nguyễn Văn C, bà Trần Thị D. Buộc bà Võ Thị L trả số tiền nợ: 3.020.000.000 đồng là có căn cứ, đúng quy định pháp luật được quy định tại Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4]. *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: Do kháng cáo không được chấp nhận nên đương sự bà Võ Thị Kim L phải chịu án phí.

[5]. *Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm đề nghị:* Hội toàn bộ bản án Dân sự sơ thẩm số 85/2024/DSST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 48; Điều 148; Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Điều 463, Điều 466 và khoản 1 Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015.
- Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Kim L. Giữ y bản án dân sự sơ thẩm số 85/2024/DSST ngày 22/3/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị Kim L phải chịu 300.000 đồng án phí được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0006345 ngày 02/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND thị xã H;
- CCTHADS thị xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Xuân Hải